TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-PT
Ngày 27 – 9 - 2021
"V/v tranh chấp về phường hụi và hợp đồng vay T sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu H
Bà Nguyễn Thị Thu T

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc M - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp về phường hụi và hợp đồng vay T sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân D, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm C (nay là xóm V), xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Dương Thị Ph , sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm C (nay là xóm V), xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh , sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm C (nay là xóm V), xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

2. Bà Lê Thị S , sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm C (nay là xóm V), xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an. Vắng mặt;

3. Bà Trương Thị Kim Th , sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm C (nay là xóm V), xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thị Ngọc H , sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 3 khối 8, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

- *Người kháng cáo*: Bị đơn, bà Dương Thị Ph .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2018, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T trình bày: Từ tháng 03/2009 đến tháng 7/2013, bà T có tham gia 08 dây phường do bà Dương Thị Ph làm chủ phường. Tổng 8 dây phường mà bà T đã nộp cho bà Ph với số tiền là 78.500.000 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), bà đã nhận tiền lãi là 17.500.000 đồng và chuyển cho bà Duyên H11.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền phường bà T đã nộp và chưa nhận tại phường bà Ph là 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Ph còn vay của bà Nguyễn Thị T 03 dây phường số tiền 50.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Ph phải thanh toán số tiền trên nhưng bà Ph không thực hiện, nay bà T yêu cầu bà Dương Thị Ph phải trả số tiền phường mà bà đã nộp và tiền vay mà chưa nhận tại phường bà Ph là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Dương Thị Ph trình bày: Bà Ph thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị T về thời gian, hình thức chơi phường, số tiền mà bà T đã đóng phường, số tiền đã được nhận và số tiền chưa được nhận đúng như bà T trình bày. Bà Dương Thị Ph thừa nhận có nợ bà T 100.000.000 đồng, nhưng việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Ph phải trả nợ thì bà Ph không đồng ý, bởi lý do các thành viên tham gia phường không đóng tiền, nên bà Ph không có tiền để thanh toán cho bà T. Số tiền 100.000.000 đồng mà bà T chưa nhận, trong đó có 50.000.000 đồng tiền nợ phường sau khi trừ tiền lãi 17.500.000 đồng và 11.000.000 đồng chuyển cho nhà Duyên Hòa, còn 50.000.000 đồng là tiền bà Ph vay bà T 03 dây phường chứ không phải vay bằng tiền mặt, tổng số tiền này là do phường bà nợ chứ bản thân bà Ph không nợ. Bà Ph cũng là nạn nhân và đề nghị đưa các thành viên đã nhận phường không tiếp tục đóng phường vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Nguyễn Thị Tuyết Nh , chị Lê Thị S , bà Trương Thị Kim Th , chị Nguyễn Thị Ngọc H để có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Lê Thị S , bà Trương Thị Kim Th , bà Nguyễn Thị Tuyết Nh , chị Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận, đang còn nợ tiền phường do bà Dương Thị Ph làm chủ phường nhưng sẽ có trách nhiệm thanh toán với chủ phường nếu có yêu cầu. Chị S , bà Th , bà Nh g và chị H không trả trực tiếp cho các thành viên tham gia phường, chưa được nhận tiền phường như yêu cầu của bà Ph.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân Đ, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 26 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Dương Thị Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền nợ phường gốc là 50.000.000 đồng và nợ vay phường là 50.000.000 đồng, tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và về nghĩa vụ thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2020, bà Dương Thị Ph kháng cáo, với nội dung: Bà Ph không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và đưa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào tham gia vụ án và buộc họ trả số tiền họ công nhận nợ cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ph giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà T không chấp nhận kháng cáo của bà Ph, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Trong vụ án này, các người tham gia chơi phường như bà Nhung, bà Thủy, chị Sen, chị Hà cùng tham gia các dây phường do bà Ph làm chủ, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định, làm rõ nên chưa xác định được nghĩa vụ trả nợ của bà Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các T liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bà Dương Thị Ph, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Ph làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An chấp nhận; bà Ph thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, mặc dù trong các dây phường do bà Ph làm chủ có nhiều người tham gia và họ cũng xác định còn nợ bà Ph tiền phường. Tuy nhiên, sau khi vỡ phường giữa bà Ph và bà T đã thống nhất về nghĩa vụ thanh toán cho nhau, không liên quan đến các thành viên khác, do đó không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để làm rõ, như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, bà Dương Thị Ph và bà Nguyễn Thị T đều xác định và thừa nhận: Từ tháng 10/2012 đến ngày 12/7/2013, bà Nguyễn Thị T tham gia 08 dây phường do bà Dương Thị Ph làm chủ phường, tổng cộng bà T đã nộp tiền của 08 dây phường cho chủ phường bà Dương Thị Ph là 78.500.000 đồng; bà T đã nhận tiền lãi tại bà Ph là 17.500.000 đồng và chuyển cho Duyên H11.000.000 đồng. Tại Giấy chốt nợ ngày 30/9/2013 (BL, 13) bà Ph xác nhận, còn nợ tiền phường bà T là 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Dương Thị Ph thừa nhận, bà Ph còn vay của bà Nguyễn Thị T 03 dây phường số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Bà Dương Thị Ph cho rằng, số tiền bà Ph nợ bà Nguyễn Thị T tổng cộng 100.000.000 đồng, nhưng số tiền này là do các thành viên trong phường khác đang nợ bà T và yêu cầu các bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, chị Lê Thị Sen, bà Trương Thị Bích Thủy, chị Nguyễn Thị Ngọc Hà vào tham gia trong vụ án để buộc những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị T. Xét thấy: Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ thì chủ họ là người tổ chức họ thu các phần họ và giao các phần họ đó cho các thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho đến khi kết thúc họ. Các dây phường do bà Ph làm chủ là phường (Họ) có lãi, phường (Họ) hưởng hoa hồng (Bà Ph được

hưởng 1% hoa hồng). Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định thì bà Ph là chủ phường (Họ) có trách nhiệm thu phần họ của các thành viên góp họ để giao cho người lĩnh họ. Bà Ph được hưởng 1% số tiền lãi mà người mua được phường trả và có nghĩa vụ thu tiền phường của các thành viên chơi phường để trả cho người trúng phường. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ph cũng xác định các thành viên trong các dây phường do bà Ph làm chủ không hoàn toàn quen biết nhau, bà Ph và các thành viên khác cũng không có thỏa thuận nào khác mà chỉ thông qua bà Ph để nộp và nhận phường. Hơn nữa, tại giấy chốt nợ ngày 30/9/2013, bà Ph cũng cam kết sẽ thu từ các con phường khác để trả cho bà T số tiền còn nợ bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Dương Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 100.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền phường là có căn cứ.

Trường hợp bà Ph có căn cứ chứng minh những người trên còn nợ tiền phường do bà Ph làm chủ phường thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật nên không làm mất quyền khởi kiện của bà Ph.

Từ những phân tích trên thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Ph và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị Ph thuộc người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Ph; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 14, 26 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Dương Thị Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền nợ phường gốc là 50.000.000 đồng và nợ vay phường là 50.000.000 đồng, tổng số tiền là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị Ph.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự Đ, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0003659 ngày 18/5/2018.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Dương Thị Ph.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND, TAND Đ;*
- *Chi cục THADS Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Ph